

Bản án số: 17/2022/HSST
Ngày: 15/3/2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÙ ĐĂNG, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Khắc Thanh;

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Thị Thân;

Ông Trần Đức Hòa.

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Quốc Hải – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Đăng tham gia phiên tòa:
Ông Phan Văn Khải - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 3 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước, mở phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 09/2022/ HSST ngày 28 tháng 01 năm 2022. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 36/2022/QĐXXST – HS ngày 26 tháng 02 năm 2022, đối với bị cáo:

Họ và tên: Nguyễn Văn T, sinh năm 1989, tại tỉnh Nam Định.

Nơi cư trú: Thôn B, xã Đ, huyện B, tỉnh Bình Phước.

Nghề nghiệp: Làm rẫy; trình độ văn hóa: 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Thiên chúa; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn Đ và bà Vũ Thị H; bị cáo có vợ và 02 người con; lớn sinh năm 2018, nhỏ sinh năm 2021; tiền án, tiền sự: Không

Nhân thân: Ngày xx/3/2009 bị Tòa án nhân dân quận H, thành phố Hà Nội xử phạt 02 năm tù về Tội tàng trữ trái phép chất ma túy.

Ngày xx/01/2013 bị Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Nam Định xử phạt 09 tháng tù về Tội trộm cắp tài sản.

Ngày xx/6/2014 bị Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Nam Định xử phạt 09 tháng tù về Tội trộm cắp tài sản.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày xx/8/2021 cho đến nay, (có mặt).

Bị hại:

Anh Phan Văn L, sinh năm: 1982.(vắng mặt)

Nơi cư trú: Thôn A, xã Đ0, huyện B, tỉnh Bình Phước

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

Chị Đặng Thị U, sinh năm: 1987 (có mặt)

Nơi cư trú: Thôn B, xã Đ, huyện B, tỉnh Bình Phước.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 08 giờ 00 phút ngày 18/7/2021 Nguyễn Văn T điều khiển xe mô tô biển số 93P1 – 553.XX đi từ nhà tại Thôn B, xã Đ, huyện B, tỉnh Bình Phước đến khu vực thôn 3, xã Đường 10, huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước để mua 02 gói ma túy loại Heroin với giá 200.000 đồng của người đàn ông tên Thọ (không rõ nhân thân lai lịch). Mua xong T lấy một ít ra sử dụng, số còn lại T cho vào bao thuốc lá hiệu Sài Gòn để vào túi quần tây bên phải và điều khiển xe đi về hướng thôn 6, xã Đường 10, huyện Bù Đăng thì bị người dân bắt giữ vì nghi ngờ bị cáo trộm 02 chiếc máy phát cỏ. Khi làm việc với T thì Công an phát hiện bị cáo vớt bao thuốc lá có chứa chất ma túy xuống đất nên đã lập biên bản bắt người có hành vi phạm tội quả tang.

Quá trình điều tra T khai nhận vào khoảng 08 giờ 30 phút ngày 05/7/2021 Nguyễn Văn T đã lấy trộm 02 máy phát cỏ tại nhà anh Phan Văn L thuộc Thôn A, xã Đ0, huyện B, tỉnh Bình Phước rồi mang về nhà cất giấu. Đến ngày 21/8/2021 chị Đặng Thị U biết việc T đã trộm cắp tài sản nên mang 02 máy phát cỏ đến nhà trả lại cho anh L.

Tại Kết luận giám định số: 213/2021/GĐ-MT ngày 27/7/2021 của Phòng Kỹ thuật hình sự – Công an tỉnh Bình Phước, kết luận: Chất màu trắng có trong 02 gói giấy bạc (ký hiệu M có chữ ký của T) được niêm phong gửi giám định là ma túy, loại Heroin, có khối lượng là 0,1182 gam.

Tại Kết luận định giá tài sản số 148 ngày 22/12/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự huyện Bù Đăng, kết luận:

- 01 máy phát cỏ kích thước 20x15x166 màu xanh, đen đã qua sử dụng không có nhãn hiệu là 1.000.000 đồng

- 01 máy phát cỏ kích thước 20x13x166 màu xanh, đen đã qua sử dụng không có nhãn hiệu là 1.500.000 đồng

- Về vật chứng vụ án: Xe mô tô biển số 93P1 – 553.XX của chị Đặng Thị U Cơ quan CSĐT- Công an huyện Bù Đăng đã trả lại cho chị U.

Số ma túy còn lại sau giám định được niêm phong ký hiệu M, Cơ quan CSĐT - Công an huyện Bù Đăng đã chuyển đến Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bù Đăng.

Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại Phan Văn L đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu gì.

Tại Cáo trạng số 11/CT – VKS ngày 27 tháng 01 năm 2022, của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Đăng truy tố bị cáo Nguyễn Văn T về Tội tàng trữ trái phép chất ma túy theo điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự và Tội trộm cắp tài sản theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát khẳng định nội dung Cáo trạng của Viện kiểm sát là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật. Vì vậy, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên nội dung Cáo trạng đã truy tố. Về tội danh, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn T, phạm Tội tàng trữ trái phép chất ma túy và Tội trộm cắp tài sản.

Về hình phạt:

Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1, khoản 2, Điều 51 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Đề nghị xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T từ 15 đến 18 tháng tù về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy.

Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Đề nghị xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T từ 09 đến 12 tháng tù về Tội trộm cắp tài sản.

Áp dụng Điều 55 của Bộ luật Hình sự tổng hợp hình phạt của hai tội danh.

Về hình phạt bổ sung: Không đề nghị áp dụng.

Về vật chứng vụ án: Đề nghị xử lý theo quy định của pháp luật.

Về án phí: Buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo luật định.

Bị cáo Nguyễn Văn T thừa nhận hành vi phạm tội như nội dung Cáo trạng Viện kiểm sát đã truy tố, không có ý kiến tranh luận về tội danh, hình phạt và các vấn đề khác đối với đại diện Viện kiểm sát.

Lời nói sau cùng: Bị cáo xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được xét hỏi tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện Bù Đăng, Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Đăng trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Ngày 18/7/2021 Nguyễn Văn T bị bắt quả tang tàng trữ 02 gói giấy bạc có chứa chất bột màu trắng. Ngoài ra, quá trình điều tra bị cáo khai nhận vào ngày 05/7/2021 bị cáo T còn có hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản là 02 máy phát cỏ của anh Phan Văn L tại thôn 6, xã Đường 10, huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước.

Kết quả giám định chất màu trắng đựng trong có trong 02 gói giấy bạc màu trắng là ma túy, loại Heroin, có khối lượng là 0,1181gam._

Tại Kết luận định giá tài sản trong Tố tụng hình sự xác định: Tổng giá trị tài sản bị xâm hại là 2.500.000 đồng.

Từ phân tích trên Hội đồng xét xử xét thấy có đủ cơ sở khẳng định hành vi của bị cáo Nguyễn Văn T đã phạm vào Tội tàng trữ trái phép chất ma túy, quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 và Tội trộm cắp tài sản quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Điều 249. Tội tàng trữ trái phép chất ma túy

“1. Người nào tàng trữ trái phép chất ma túy mà không nhằm mục đích mua bán, vận chuyển, sản xuất trái phép chất ma túy thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm:

c) Heroin có khối lượng từ 0,1 gam đến dưới 05 gam.

5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản”.

Điều 173. Tội trộm cắp tài sản

“1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.

5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng”.

Như vậy, nội dung Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Đăng truy tố bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Đánh giá tính chất, mức độ phạm tội của bị cáo là nghiêm trọng, gây nguy hại cho xã hội, xâm phạm đến chính sách độc quyền quản lý của Nhà nước về chất ma túy, làm mất trật tự trị an tại địa phương. Bị cáo là người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự. Tuy nhiên, do lối sống buông thả, dẫn đến nghiện ma túy nên mặc dù nhận thức rõ được mọi hành vi liên quan đến ma túy là vi phạm pháp luật, là nguyên nhân có thể gây ra nhiều loại tội phạm và tệ nạn xã hội khác. Đây cũng là nguyên nhân chính dẫn đến việc bị cáo thực hiện hành vi trộm cắp tài sản. Hành vi của bị cáo đã xâm phạm trực tiếp đến tài sản của người khác, đây là quyền về tài sản được pháp luật bảo vệ. Ngoài ra, hành vi của các bị cáo còn làm ảnh hưởng đến tình hình trật tự, trị an tại địa phương. Bản thân bị cáo đã từng có 03 tiền án về các tội trộm cắp tài sản và tàng trữ trái phép chất ma túy. Mặc dù đã được xóa án tích nhưng vẫn bị coi là có nhân thân không tốt.

[3] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào quy định tại khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo có con còn nhỏ đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s, khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Ngoài ra, Đối với Tội trộm cắp tài sản bị cáo phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm h, khoản 1, Điều 51 của Bộ luật Hình sự 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Sau khi cân nhắc mức độ hành vi phạm tội, nhân thân của bị cáo và tình tiết giảm nhẹ mà bị cáo được hưởng, Hội đồng xét xử thấy cần xử bị cáo một mức án tương xứng với hành vi phạm tội để giáo dục, răn đe bị cáo và phòng ngừa chung.

[5] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 249 và khoản 5 Điều 173 của Bộ luật Hình sự thì ngoài hình phạt chính thì người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản. Tuy nhiên, do bị cáo là đối tượng nghiện ma túy có thu nhập không ổn định, có con còn nhỏ nên được miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo.

[6] Về vật chứng vụ án: Căn cứ khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự 2015.

Xe mô tô biển số 93P1 – 553.XX của chị Đặng Thị U Cơ quan CSĐT -Công an huyện Bù Đăng đã trả lại cho chị U là đúng pháp luật nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Cần tịch thu tiêu hủy: Sổ ma túy còn lại sau giám định được niêm phong ký hiệu M, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Bù Đăng đã chuyển đến chi cục thi hành án dân sự huyện Bù Đăng.

Đối với 02 chiếc máy phát cỏ chỉ U đã trả lại cho chủ sở hữu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về án phí: Buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Đối với người đàn ông tên Thọ đã bán ma túy cho bị cáo, không rõ nhân thân lai lịch nên Cơ quan CSĐT- Công an huyện Bù Đăng tách ra, tiếp tục xác minh xử lý sau.

Đối với Chị Đặng Thị U đã cho T mượn xe nhưng không biết T mượn xe làm phương tiện phạm tội nên không đề cập xử lý.

Quan điểm xử lý vụ án của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa về áp dụng pháp luật và hình phạt là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Về tội danh và hình phạt: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn T phạm Tội tàng trữ trái phép chất ma túy và Trộm cắp tài sản.

Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1, Điều 51 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T 01 năm, 03 tháng tù (một năm, ba tháng tù) về Tội tàng trữ trái phép chất ma túy.

Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm h, s khoản 1, Điều 51 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T 09 tháng tù (chín tháng tù) về Tội trộm cắp tài sản

Áp dụng Điều 55 Bộ luật Hình sự năm 2015 tổng hợp hình phạt của hai tội danh đối với bị cáo Nguyễn Văn T 02 năm tù (hai năm tù). Thời hạn tù tính từ ngày 19/8/2021

[2] Về vật chứng vụ án: Căn cứ vào khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Tuyên tịch thu tiêu hủy: 01 phong bì đựng mẫu hoàn lại sau giám định số 213/GĐ-MT ngày 19/7/2021 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bình Phước.

(Theo biên bản giao, nhận vật chứng số 0009904 ngày 24/01/2022 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Bù Đăng và Chi cục thi hành án dân sự huyện Bù Đăng)

[3] Về án phí: Áp dụng Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự 2015, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Nguyễn Văn T phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo, Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo Bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người bị hại vắng mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết tại địa phương, nơi cư trú.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Phước;
- Viện kiểm sát ND tỉnh Bình Phước.
- Sở tư pháp tỉnh Bình Phước;
- Công an tỉnh Bình Phước;
- VKSND huyện Bù Đăng;
- CCTHADS huyện Bù Đăng;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu HS.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Khắc Thanh